

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2017/DS-PT

Ngày: 02-11-2017

V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2017/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Lê Quốc B, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp B, xã G, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Phạm Hồng K, sinh năm 1976, cư trú tại: Ấp P, xã D, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017).

- *Người kháng cáo: Anh Lê Quốc B là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 03/12/2016, anh Lê Quốc B có đến nhà chị H, hai bên thỏa thuận miệng về việc phủ nọc dê, chị H giao cho anh B 02 con dê:

- 01 con dê mẹ nuôi khoảng 02 năm tuổi (con dê này anh B đã trả lại, bà H không tranh chấp);

- 01 con dê tơ trọng lượng 30 kg, được khoảng 10 tháng tuổi, con dê có đặc điểm: Mặt sọc, hai lỗ tai mép sau là bông trắng, đầu lông đen.

Hai bên thỏa thuận giá phủ nọc mỗi con dê có giá là 150.000 đồng/con, hai bên không có lập biên bản chỉ thỏa thuận bằng miệng. Khi anh B bắt dê về trại thì có mặt vợ chồng chị H, không ai làm chứng, không lập văn bản mô tả con dê, không cân ký con dê.

Ngày 28/12/2016, anh B đem một con dê tơ trả lại cho chị H mà không thông báo cho chị H biết, con dê này khoảng 13,4kg; đặc điểm đầu đốm lông trắng, mặt sọc, lông nâu luốc luốc. Do con dê tơ này không phải là con dê tơ của chị H nên chị H đã gọi anh B đến trả lại con dê và anh B đã mang con dê đó về, chị H yêu cầu anh B trả đúng con dê tơ của chị H nhưng anh B không trả. Chị H không yêu cầu giám định ADN vì con dê mẹ và con dê tơ chung bây nay đã không còn. Chị H khởi kiện yêu cầu anh B trả lại con dê tơ của chị H hoặc trả giá trị con dê là 4.000.000 đồng.

Do hiện nay con dê của chị H không còn trong chuồng của anh B mà chị H không biết con dê này ở đâu nên chị H yêu cầu anh B trả giá trị con dê lại cho chị. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, do chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số ký của con dê tơ nên chị H đồng ý lấy số ký anh B trình bày là 20 kg x 70.000 đồng/kg = 1.400.000 đồng và yêu cầu anh B trả lại giá trị con dê tơ là 1.400.000 đồng. Chị H đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 15/6/2017 và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Quốc B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Hồng K trình bày:

Ngày 27/11/2016, anh B có đến nhà chị H nhận 02 con dê về phủ nọc gồm 01 con dê lứa (trọng lượng khoảng 28 kg đến 30 kg, khoảng 03 năm tuổi), 01 con dê tơ (khoảng 07 tháng tuổi, trọng lượng khoảng 20 đến 21 kg) khi giao nhận con dê hai bên không làm biên bản nhưng khi đưa con dê về trại thì anh B có ghi lại

đặc điểm con dê, làm dấu để tránh nhầm lẫn. Theo đó, con dê tơ của chị H có đặc điểm như sau: Mặt sọc, trụi, nhỏ, tai hơi cong và có màu đen.

Ngày 03/12/2016, khi phủ nọc con dê lứa xong thì anh B có điện thoại báo cho chị H biết và giao dê khi chị H có mặt ở nhà. Ngày 28/12/2016, thấy con dê tơ không có dấu hiệu lên giống thật mà chỉ là lên giống gió nên anh B mang trả cho chị H, do bị mất điện thoại nên anh B không gọi điện thoại báo cho chị H biết trước rồi đem con dê giao trả lại chuồng dê nhà chị H, nhưng sau đó chị H lại cho rằng con dê đó không phải của chị H nên kêu anh mang con dê đó về và anh đã mang con dê đó về trại tạm giữ. Anh B không yêu cầu giám định ADN của con dê và không đồng ý trả giá trị con dê cho chị H mà chỉ trả lại con dê đang tạm giữ ở trại với đặc điểm là: Dê giống Bách Thảo, không sừng, mặt sọc, lông đen, thay 02 cái răng, nặng khoảng 15,5kg. Anh thống nhất với giá mà Hội đồng định giá đã định và không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H đối với số tiền yêu cầu anh Lê Quốc B bồi thường là 2.600.000 đồng;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H;

Buộc anh Lê Quốc B phải bồi thường cho chị H số tiền 1.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí; chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo bản án; quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2017, bị đơn anh Lê Quốc B kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả giá trị con dê là 1.000.000 đồng cho chị H; đồng thời, yêu cầu mỗi bên chịu ½ tiền chi phí định giá, án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn chị Võ Thị H đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn với lý do: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Võ Thị H chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn về việc trả cho chị giá trị con dê là 1.000.000 đồng, chị H đồng ý chịu ½ tiền chi phí định giá và ½ án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả giá trị con dê là 1.000.000 đồng cho chị H; đồng thời, yêu cầu mỗi bên chịu ½ tiền chi phí định giá và ½ án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn chị Võ Thị H đồng ý. Theo đó, chị H và anh B mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá tài sản là 200.000 đồng và ½ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, tổng cộng chị H, anh B mỗi người chịu 350.000 đồng. Thấy rằng, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị H tự nguyện chịu án phí là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023407 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho chị Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

Anh Lê Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả cho anh Lê Quốc B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 584, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Quốc B;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Tuyên xử:

Buộc anh Lê Quốc B phải hoàn trả cho chị Võ Thị H số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí định giá tài sản là 400.000 đồng. Anh Lê Quốc B phải chịu là 200.000 đồng, chị Võ Thị H tự nguyện chịu là 200.000 đồng. Do chị Võ Thị H đã nộp xong nên anh Lê Quốc B phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007626 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre, chị Võ Thị H được nhận số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

Anh Lê Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Lê Quốc B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023747 ngày 08/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Ngọc Dũng

[1] Nguyên đơn cho rằng việc chơi hụi với bà Tươi, ông Hón được thiết lập trên giấy hụi thể hiện qua các danh sách hụi viên do bà Phượng ghi tên bà Tươi, ông Hón và anh Nhựt cụ thể tại các bút lục 05, 06, 07, 15.

[2] Theo đó, tại dây hụi ngày 25/8/2011 (bút lục 06) có thể hiện tên 06 Hón đứng số thứ tự 15 trong danh sách hụi viên. Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/08/2016 (bút lục 72) và biên bản xác minh bà Bùi Thị Mỹ Dung (bút lục 68) là người chơi hụi chung bà Tươi có xác nhận vào ngày 15/10/2013 bà Tươi có bỏ hụi với số tiền 1.620.000 đồng để hốt hụi. Lời khai này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Phượng.

[3] Đối với dây hụi ngày 10/6/2012 (bút lục 15) thể hiện bà Tươi có tham gia chơi hai phần đứng tên tại dòng thứ 10 trong danh sách hụi viên với danh nghĩa là 06 Hón. trong phần hụi này có các nhân chứng là Thúy Yến, Thanh Nam, Kim Quyên và Minh Nguyệt là người chơi hụi cùng bà Phượng làm chứng (bút lục 64). Hơn nữa trong dây hụi này bà Phượng cho rằng bà Tươi đã bán cho bà 01 phần và đã bán cho bà Nguyễn Thị Vân 01 phần cũng phù hợp với lời trình bày của bà Vân tại biên bản xác minh ngày 14/9/2016 là bà Tươi có bán lại cho bà 01 phần hụi ngày 10/6/2012, trong dây hụi này bà đã hốt hụi và bà Tươi phải có nghĩa vụ đóng lại hụi chết cho bà Phượng.

[4] Dây hụi ngày 30/11/2015 (bút lục 07) bà Tươi có tham chơi 02 phần hụi thể hiện trong danh sách hụi viên với tên là 06 Hón. Theo lời trình bày của bà Phượng và xác nhận của bà Nguyễn Thị Vân thì phần hụi này bà Tươi đã hốt và bán lại cho bà Vân, hiện tại bà Vân đã hốt và bà Tươi phải có nghĩa vụ đóng lại hụi chết cho bà Phượng. Lời trình bày của bà Phượng cũng phù hợp với lời xác nhận của bà Nguyễn Thị Vân tại biên bản xác minh ngày 14/9/2016.

[5] Dây hụi ngày 15/9/2013 (bút lục 05) bà Tươi có tham gia chơi 03 phần thể hiện trong danh sách hụi viên với tên là 06 Hón đứng số thứ tự 11 và Nhựt số thứ tự 19. Theo lời trình bày của bà Phượng và giấy mua bán hụi được viết giữa bà Phượng và bà Tươi thì bà Tươi có bán 02 phần hụi 01 triệu khui tháng 02 lần vào ngày 15 và 30 tháng 9 (âm lịch) cho bà Phượng tổng cộng là 30 phần. Trong giấy mua bán hụi cũng thể hiện là có dây hụi 1.000.000 đồng khui vào 15 và 30 tháng 9 năm 2013 gồm 30 hụi viên, phù hợp với lời trình bày của bà Phượng.

Như vậy, lời khai của các hội viên có tham gia chơi trong các dây hội do bà Phượng làm chủ đều khai thống nhất là bà Tươi có tham gia chơi đúng số phần, mệnh giá và đã hốt hội như bà Phượng khai và các dây hội này đều chơi đến mãn, không bị vỡ hội giữa chừng.

[6] Mặc dù, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nhựt không thừa nhận bà Tươi, ông Hón có tham gia chơi các dây hội này nhưng qua đối chiếu lời khai của các hội viên chơi chung dây hội này cùng bà Tươi với lời khai của bà Phượng là phù hợp nhau. Ngoài ra, các hội viên đều không có quan hệ bà con và không có mâu thuẫn với bà Tươi, ông Hón, bà Phượng nên lời khai của những hội viên này được xem là cơ sở chứng cứ.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất và tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (danh sách hội viên, giấy mua bán hội) và những chứng cứ Tòa án thu thập như Biên bản xác minh bà Thuận, bà Dung, bà Vân cho phía bị đơn nhưng phía bị đơn không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đến tham dự. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ là lời trình bày của những người làm chứng để giải quyết vụ án là phù hợp.

[8] Đối với yêu cầu của bà Phượng về việc buộc ông Hón phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Tươi trả số nợ hội trên thì thấy rằng: Khi bà Tươi tham gia chơi hội, ông Hón có biết và hôn nhân giữa bà Tươi và ông Hón còn tồn, mục đích bà Tươi chơi hội là để lấy lãi phục vụ cuộc sống gia đình, bà Tươi và ông Hón là vợ chồng, hiện tại tài sản của ông Hón và bà Tươi là tài sản chung nên ông Hón phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Tươi trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 298 Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, xét thấy bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[9] Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; do yêu cầu của bà Phượng được chấp nhận nên bà Tươi và ông Hón phải liên đới chịu án phí là: $232.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.600.000 \text{ đồng}$.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo không được chấp bà Tươi, ông Hón phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 479, 298 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tươi, ông Phan Văn Hớn

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phượng đối với bà Nguyễn Thị Tươi và ông Phan Văn Hớn.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phượng đối với anh Phan Thanh Nhựt về việc yêu cầu anh Phan Thanh Nhựt phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Tươi và ông Phan Văn Hớn trả số tiền 56.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Tươi và ông Phan Văn Hớn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phượng số tiền nợ hui là 232.000.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Phan Văn Hớn phải liên đới chịu án phí là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Phan Văn Hớn phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005898 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Thẩm phán

Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

